

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2024/HC-PT

Ngày: 24/4/2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Ong Văn Thắng;

Bà Trần Thị Quỳnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thùy Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 16/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4305/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1955; trú tại: số 138C, đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn H và luật sư Đỗ Huy T, Văn phòng luật sư Phạm Gia Quan N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 234 Q, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hồng T1 - Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Thanh N1 - Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận T; vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 09 đường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hồng T1 - Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Thanh N1 - Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận T; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội; địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Đ - Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Viện nghiên cứu Sành sứ Thuỷ tinh Công nghiệp; địa chỉ: số 132 đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Anh T2 - Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3 Bà Trần Thị L, sinh năm 1963; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L: Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1955; có mặt.

3.4. Anh Nguyễn Phú H1, sinh năm 1985; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 138C, đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Ngày 31/10/2018, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6023/QĐ-UBND về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường N (đoạn từ đầu ngõ 162 N đến nút giao đường N), tỷ lệ 1/500. Bản vẽ chỉ giới đường do Viện Quy hoạch xây dựng lập và được Sở Q xác nhận ngày 15/3/2019.

Ngày 31/10/2018, UBND quận T ban hành Quyết định số 3854/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 20/6/2020 và Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án.

Ngày 04/10/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường lập Bản định vị mốc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Văn phòng UBND thành phố H ban hành Văn bản số 5597/VP-GPMB ngày 07/7/2020 và Sở Xây dựng ban hành Văn bản số 5397/SXD-PTĐT ngày 29/6/2020 về việc bố trí quỹ nhà TĐC phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Ngày 17/02/2021, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 742/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Thực hiện Dự án cải tạo mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T, UBND quận T thành lập, kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đồng thời thành lập và kiện toàn Tổ công tác GPMB phường T.

Ngày 07/9/2020, UBND quận T ban hành Thông báo thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án (trong đó thửa đất của ông Nguyễn Phú S và vợ bà Nguyễn Thị L1 đã được thông báo thu hồi tại Thông báo số 634/TB-UBND)

Ngày 23/4/2021, UBND phường T có xác nhận số 449/UBND-ĐC về người sử dụng đất, vị trí, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với gia đình ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L, địa chỉ GPMB số 138C phố N, trong đó xác nhận nội dung: “Thửa đất GPMB số: 10(1P) tờ bản đồ số 5E-II-1. Ngày 04/11/1991 Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh có quyết định giao ô đất số 14 cho ông Nguyễn Đình L2 tạm thời quản lý, sử dụng từ tháng 11/1991. Ông Nguyễn Đình L2 nhượng bán nhà đất một phần cho ông Nguyễn Như B (xác nhận của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh). Ngày 20/4/1999 ông B nhượng bán cho ông Nguyễn Phú S (Giấy viết tay). Thời điểm gia đình tự xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 (Bản đồ địa chính năm 1996 chưa có nhà). Nhà đất nằm trong Kết luận thanh tra số 578/TTHN ngày 05/9/1996 của Thanh Tra thành phố Hà Nội”.

Ngày 29/6/2022, UBND quận T ban hành Quyết định số 3017/QĐ-UBND về việc thu hồi 26m² đất của ông Nguyễn Phú S và vợ Trần Thị L thuộc thửa đất số 10 (1P) tại địa chỉ GPMB số 138C phố N, phường T, quận T, Hà Nội để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Ngày 29/6/2022, UBND quận T ban hành Quyết định số 3056/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Về đất: Hỗ trợ 167.440.000 đồng.

Về công trình: Hỗ trợ số tiền bồi thường, hỗ trợ công trình trên đất: 42.154.634 đồng.

Về phương án tái định cư: Ông Nguyễn Phú S và vợ bà Trần Thị L không được xét mua nhà tái định cư.

Ông Nguyễn Phú S và vợ bà Trần Thị L có Đơn khiếu nại Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T và Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Ngày 07/10/2022, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4233/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Phú S và vợ bà Trần Thị L, địa chỉ GPMB số 138C phố N, phường T, quận T.

Ngày 22/10/2022, ông Nguyễn Phú S làm Đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T thu hồi 26,0m² đất thuộc thửa đất số 10 (1P) tờ bản đồ số 5E-I-1, tại địa chỉ GPMB số 138C N, phường T, quận T, Hà Nội mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T đối với người sử dụng đất là ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L.

Ngày 24/7/2023, ông S có yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với UBND thành phố Hà Nội và UBND quận T đề nghị Tòa án hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định 6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường N (đoạn từ đầu ngõ 162 N đến nút giao đường N); Quyết định 3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận T về phê duyệt Dự án: Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quan điểm của người khởi kiện: Vợ chồng tôi là những người đứng tên sử dụng thửa đất tại địa chỉ GPMB số 138C N, phường T, quận T, Hà Nội. Thửa đất chúng tôi đang sử dụng trước kia nằm trong thửa đất thuộc quyền sử dụng của Hợp tác xã N3 (khi đó thuộc huyện T, Hà Nội). Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã N và Hợp tác xã N3 giao cho Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh thuộc Bộ C nhẹ. Cũng trong năm 1991, Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh có quyết định giao thửa đất đó cho ông Nguyễn Đình L2 để làm nhà ở. Sau đó ông Nguyễn Đình L2 có làm giấy chuyển nhượng một phần diện tích nhà đất tại địa chỉ nói trên cho ông Nguyễn Như B (có xác nhận của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh). Ngày 20/04/1999, ông Nguyễn Như B làm giấy chuyển nhượng phần đất của mình cho ông Nguyễn Phú S. Nhà đất của vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng đã được làm trước ngày 15/10/1993. Như vậy thửa đất mà vợ chồng tôi sử dụng ổn định hơn 30 năm qua là đất hợp pháp, không phải là đất lấn chiếm, không có tranh chấp với ai và chưa bao giờ có cơ quan nào xử lý vi phạm pháp luật.

Để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T, ngày 29/6/2022 gia đình tôi nhận được: Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T thu hồi 26,0 m² đất thuộc thửa đất số 10 (1P) tờ bản đồ số 5E-II-1, tại địa chỉ GPMB số 138C N, phường T, quận T, Hà Nội

mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T đối với người sử dụng đất là ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L. Chúng tôi thấy việc ban hành cả hai Quyết định nói trên đều có những vi phạm pháp luật về quy trình ban hành cũng như nội dung, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi.

Quyết định số 3017 đã căn cứ vào Quyết định 6023 vi phạm Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị để ban hành. Quyết định 6023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ký được căn cứ vào Quyết định 6631/QĐ-UBND ngày 20/12/2015 về phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị Hà Nội, tỷ lệ 1/500 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ký.

Tuy nhiên, chúng tôi đối chiếu giữa Quyết định số 6023 với Quyết định số 6631 thì phát hiện có sự sai lệch lớn. Theo Quyết định 6631 thì tại Điều 4, mục 4.4.1 điểm c (*trang 15*) về các tuyến đường cấp khu vực, trong đó có tuyến đường N có “mặt cắt ngang điển hình rộng $B = 25 - 30m$ ”. Quyết định 6631 được ban hành căn cứ vào Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Còn trong Quyết định 6023 thì bề mặt cắt ngang đường điển hình đường N = 21m. Rõ ràng Quyết định 6023 có nội dung trái với Quyết định 6631.

Như vậy, ngay từ khâu lập Dự án án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N thì UBND thành phố Hà Nội và UBND quận T đã có sai lầm nghiêm trọng, tùy tiện thay đổi mặt cắt ngang đường đã được phê duyệt, vi phạm Luật Quy hoạch đô thị (Điều 16 Luật Quy hoạch đô thị: Những hành vi bị cấm, khoản 8: Cố ý vi phạm quy hoạch đô thị đã được phê duyệt).

Chúng tôi tiếp tục đối chiếu giữa Quyết định số 3854 với Quyết định số 6631 thì phát hiện cũng có sự sai lệch lớn. Theo Quyết định 3854 thì bề mặt cắt ngang đường điển hình Nguyễn Trãi rộng $B = 21m$. Nội dung này rõ ràng là trái với Quyết định 6631, vi phạm Luật Quy hoạch đô thị.

Quyết định số 6023 của UBND thành phố Hà Nội được ban hành có nội dung trái với Quyết định số 6631 thì trở thành quyết định hành chính không hợp pháp. Quyết định số 3854 có nội dung trái với Quyết định số 6631 thì cũng trở thành quyết định hành chính không hợp pháp. Vì vậy, các quyết định số 6023, Quyết định số 3854 không thể sử dụng làm căn cứ để ban hành các quyết định hành chính khác. Nhưng UBND quận T vẫn căn cứ vào các Quyết định hành chính không hợp pháp đó để ban hành các Quyết định thu hồi đất số 3017; Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 3056 thì các Quyết định 3017, Quyết định 3056 cũng trở thành quyết định không hợp pháp, không có hiệu lực pháp luật.

Quyết định 3017 có vi phạm về quy trình, thủ tục thu hồi đất, chúng tôi chưa bao giờ ký vào biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với thửa đất của tôi. Chúng tôi cũng chưa bao giờ nhận được Quyết định kiểm đếm bắt buộc của ông Chủ tịch UBND quận T.

Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T đối với người sử dụng đất là ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L cũng có nhiều sai phạm. Theo Quyết định 3056 gia đình tôi được bồi thường, hỗ trợ về đất theo tỷ lệ đơn giá là 20%; bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất theo tỷ lệ đơn giá là 50% với tổng giá trị bồi thường là 209.594.634 đồng và không được xét tái định cư. Với tổng giá trị bồi thường như trên là không đúng quy định của pháp luật.

Thứ nhất, thửa đất của nhà tôi là loại đất được giao không đúng thẩm quyền, không phải là loại đất “lưu không”. Trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt theo Quyết định số 3056 có ghi thửa đất của tôi thuộc loại đất “lưu không”. Đây là cách ghi tùy tiện không căn cứ vào Luật Đất đai với mục đích là để làm giảm thiểu tối đa các khoản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình tôi. Trong Luật Đất đai năm 2013 không có bất kỳ điều khoản nào quy định một thửa đất thuộc loại đất “lưu không”.

Như tôi đã trình bày ở phần trên nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ GPMB số 138C N, phường T, nhà đất của vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng đã được làm trước ngày 15/10/1993. Như vậy thửa đất mà vợ chồng tôi sử dụng ổn định hơn 30 năm qua là đất hợp pháp, không phải là đất lấn chiếm, không có tranh chấp với ai và chưa bao giờ có cơ quan nào xử lý vi phạm pháp luật. Xét về nguồn gốc thửa đất này được giao trước ngày 15/10/1993 nên có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và không phải nộp tiền sử dụng đất nhưng UBND quận T đã không cấp cho tôi cũng như các hộ liền kề. Việc tùy tiện ghi loại đất “lưu không” vào thửa đất của tôi trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt theo Quyết định số 3056 là vi phạm pháp luật vì Luật Đất đai không có điều khoản nào quy định về loại đất lưu không.

Thứ hai, việc xác định mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình tôi theo Quyết định 3056 là không đúng quy định của pháp luật. Như đã trình bày ở phần trên, thửa đất của gia đình nhà tôi đang sử dụng thuộc loại đất được giao không đúng thẩm quyền. Khi tôi nộp thuế sử dụng đất hàng năm thì cơ quan thuế ghi là đất phi nông nghiệp hoặc đất ở đô thị. Chúng tôi cho rằng khi thu hồi thửa đất của gia đình tôi thì sẽ được bồi thường 100% đơn giá theo quy định của pháp luật.

Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng đã nộp

tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định sau:

1. Trường hợp sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao”.

Thửa đất của chúng tôi đang sử dụng được nhận chuyển nhượng làm nhà trước ngày 15/10/1993 có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất. Việc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là lỗi thuộc về các cơ quan quản lý Nhà nước chứ không thuộc về chúng tôi bởi chúng tôi đã nhiều lần làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận. Nay UBND quận T có nhu cầu thu hồi thửa đất của tôi để thực hiện Dự án cải tạo tuyến phố N thì cũng phải đền bù 100% giá trị đất, công trình trên đất theo quy định của pháp luật đồng thời phải bố trí tái định cư bởi đây là tài sản cả đời chúng tôi tích lũy mới mua được và gia đình tôi đã nhiều năm sinh sống ở đây. Nhà nước có bồi thường 100% giá trị theo quy định của pháp luật và bố trí tái định cư thì giá trị gia đình tôi nhận được cũng ít hơn nhiều lần so với giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc tuyến đường N ngoài thị trường.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T có sai lầm nghiêm trọng vẫn giữ nguyên các quyết định 3017, quyết định 3056 vì căn cứ vào Quyết định số 6023 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 3854 của UBND quận T có nội dung không hợp pháp.

UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T trình bày: UBND quận T đã triển khai đầy đủ về trình tự, thủ tục, trình tự thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB đối với gia đình ông Nguyễn Phú S và vợ bà Trần Thị L. UBND quận T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường T: Thực hiện Thông báo số 160/TB-THC ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, UBND phường cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu như sau: Quyết định số 14/TTNC ngày 04/11/1991 của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh về việc giao ô đất số 14 cho ông Nguyễn Đình L2 tạm thời quản lý, sử dụng từ tháng 11/1991; Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung ông Nguyễn Đình L2 nhượng bán nhà đất một phần cho ông Nguyễn Như B (có xác nhận của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh); Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/1999 với nội dung ông Nguyễn Như B nhượng bán đất cho ông Nguyễn Phú S (giấy viết tay); Sổ mục kê, Bản đồ địa chính tờ 5E-II-1 đo vẽ năm 1994 tỷ lệ 1/200, bàn giao năm 1996; Kết luận số 578/TTHN ngày 05/9/1996 của Thanh tra Hà Nội. UBND phường T báo cáo Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội được biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Viện nghiên cứu công nghiệp sành sứ thủy tinh: Viện nghiên cứu công nghiệp sành sứ thủy tinh trước đây là Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh được thành lập theo Quyết định số 309/CNN-TCQL ngày 21/06/1982 của Bộ Công nghiệp nhẹ. Viện nghiên cứu công nghiệp sành sứ thủy tinh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và anh Nguyễn Phú H1: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định: **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Giải quyết khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/ TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú S đề nghị hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L (lần đầu).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của 02 Quyết định gồm: Quyết định 6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường N (đoạn từ đầu ngõ 162 N đến nút giao đường N); Quyết định 3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận T về phê duyệt Dự án: Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023 ông Nguyễn Phú S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: Hủy 05 Quyết định trong đó 04 Quyết định của Chủ tịch và UBND quận T; 01 Quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 3, Điều 30; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Phú S và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phú S nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người người bị kiện Chủ tịch và UBND quận T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường T và V có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phú H1 và bà Trần Thị L vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157; Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phú S yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường N (đoạn từ đầu ngõ 162 N đến nút giao đường N), tỷ lệ 1/500, địa điểm quận T, Hà Nội; Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận T về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của

UBND quận T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L (lần đầu), thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Về hình thức: Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T; Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L (lần đầu) được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi: Căn cứ theo các quy định tại Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T ban hành các Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022; Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.2] Về tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện:

Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T là dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...) được xác định dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Do đó, Ủy ban nhân dân T đã ban hành Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 và Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 thu hồi diện tích 26m² đất của hộ gia đình ông S.

Về nguồn gốc đất: Căn cứ hồ sơ địa chính; Bản đồ đo vẽ năm 1993 tỷ lệ 1/200 kèm sổ mục kê bàn giao năm 1996 tờ 5E-II-1 thể hiện XN Sành sứ sử dụng thửa đất 9c+9d diện tích 5129,76m² gồm đất chuyên dùng 5129,76m² và đất xây dựng 5129,76m².

Quá trình sử dụng đất: Quyết định cho thuê mượn đất lưu không số 99/QĐ-UBND ngày 26/10/1991 của UBND xã N có nội dung: “*Giao phần đất lưu không bên ngoài giáp tường rào phía tây của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh với diện tích 850m² cho Trung tâm quản lý và sử dụng*” (Điều 1).

Ngày 22/10/1999, Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh lập Biên bản về việc phân phối đất lưu không (phần đất hợp đồng giữa cơ quan với xã N) với 19 ông, bà là cán bộ, công nhân viên cơ quan Trung tâm về việc xét giải quyết đất lưu không mà UBND xã N giao cho Trung tâm tạm thời quản lý và sử dụng trong khi chờ Nhà nước đưa vào quy hoạch.

Ngày 04/11/1991, Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh có Quyết định giao ô đất số 14 cho ông Nguyễn Đình L2 tạm thời quản lý, sử dụng từ tháng 11/1991.

Quyết định số 14/TTNC-TCQL ngày 04/11/1991 của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh có nội dung: *“Giao ô đất số 14 ở phía bên phải nằm trên trục đường vào cơ quan cho ông Nguyễn Đình L2 - Phòng TCHCTT được quản lý và sử dụng kể từ ngày 04 tháng 11 năm 1991”*.

Ông Nguyễn Đình L2 chuyển nhượng ô đất nêu trên cho ông Nguyễn Như B bằng Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng viết tay có xác nhận của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh.

Ngày 20/04/1999, ông Nguyễn Như B làm giấy chuyển nhượng viết tay phần đất của mình cho ông Nguyễn Phú S.

Theo Kết luận thanh tra số 578/TTHN ngày 05/9/1996 có nội dung: *“Từ năm 1990 đến 1993, UBND xã, HTX nông nghiệp đã có các văn bản trái với Luật Đất đai như quyết định giao đất, hợp đồng thuê mượn đất...”*

Trung tâm nghiên cứu sành sứ và thủy tinh được giao 733m² đất ven dọc đường N Trung tâm đã giao cho 14 hộ làm nhà ở, có 11 hộ đã xây dựng nhà mái bằng kiên cố từ 1 đến 2 tầng, 3 hộ chưa xây dựng.

Kết luận: UBND xã N, HTX nông nghiệp cho các cơ quan đơn vị thuê mượn đất lưu không ven đường là vi phạm thẩm quyền giao đất được quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 1988 và Điều 23 Luật Đất đai năm 1993.

Kết luận thanh tra số 578/TTHN ngày 05/9/1996 kiến nghị: *“Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo UBND huyện T*

... Đối với các công trình xây dựng trái phép trên đất lưu không dọc đường N, đường N, đường N, đường vào thôn Q...tùy theo điều kiện xử lý:

+ *Nếu công trình xây dựng vi phạm qui hoạch của thành phố, vi phạm hành lang bảo vệ đường bộ được quy định tại điều lệ bảo vệ đường bộ ban hành kèm theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ thì phải dỡ bỏ.*

+ *Nếu công trình xây dựng không vi phạm qui hoạch và hành lang bảo vệ đường bộ thì có thể tồn tại. Nhưng phải tiến hành kiểm tra cụ thể từng hộ sử dụng đất và xây dựng nhà ở để xử lý theo các quy định của pháp luật”*.

Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất bị thu hồi giải phóng mặt bằng của gia đình ông S đang quản lý, sử dụng là đất lưu không được giao không đúng

thẩm quyền. Do đó, UBND phường T ban hành văn bản Xác nhận số 449/UBND-ĐC ngày 23/4/2021: “*Thửa đất GPMB số: 10(1P) tờ bản đồ số 5E-II-1. Ngày 04/11/1991 Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh có quyết định giao ô đất số 14 cho ông Nguyễn Đình L2 tạm thời quản lý, sử dụng từ tháng 11/1991. Ông Nguyễn Đình L2 nhượng bán nhà đất một phần cho ông Nguyễn Như B (xác nhận của Trung tâm Nghiên cứu Sành sứ thủy tinh). Ngày 20/4/1999 ông B nhượng bán cho ông Nguyễn Phú S (Giấy viết tay). Thời điểm gia đình tự xây dựng nhà ở sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 (bản đồ địa chính năm 1996 chưa có nhà). Nhà đất nằm trong Kết luận thanh tra số 578/TTHN ngày 05/9/1996 của Thanh Tra thành phố Hà Nội*” là có căn cứ, phù hợp với vị trí, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với gia đình ông S.

Do đó, UBND quận T đã căn cứ các Điều 69 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ ban hành Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T được là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T, thấy rằng:

Bồi thường, hỗ trợ về đất: Ngày 30/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức họp Liên ngành cùng đại diện Sở Xây dựng, Sở Tài chính và UBND quận T thống nhất, đề xuất tại Tờ trình số 4326/TTrLN: TNMT-TC-XD-QTX ngày 20/6/2022 và được thành phố chấp thuận tại Văn bản số 1961/UBND-TNMT ngày 23/6/2022 về việc giải quyết vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, cụ thể như sau: “*Hỗ trợ khác về đất:*

+ *Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội đối với phần diện tích đất thực tế thu hồi có xây dựng nhà ở và các công trình để ở sử dụng trước ngày 15/10/1993;*

+ *Hỗ trợ bằng 20% giá đất ở quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội đối với phần diện tích đất thực tế thu hồi có xây dựng nhà ở và các công trình để ở sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.*

Tổng diện tích hỗ trợ theo giá đất ở không vượt quá hạn mức 60 m² đất/hộ.

Về chính sách tái định cư: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND Thành phố”.

Do phần diện tích đất trong chỉ giới GPMB của người khởi kiện là đất lưu không được giao không đúng thẩm quyền nên căn cứ quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013, Điều 34 Quy định kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội thì gia đình ông S không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi. Tuy nhiên, UBND quận T đã áp dụng Văn bản số 1961/UBND-TNMT ngày 23/6/2022 của UBND Thành phố về việc giải quyết vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, theo đó tại Phương án đã hỗ trợ về đất “bằng 20% giá đất ở quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội đối với phần diện tích đất thực tế thu hồi có xây dựng nhà ở và các công trình để ở sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004”, cụ thể phần diện tích đất trong chỉ giới GPMB 26,0m² đất lưu không: 26,0m² x 32.200.000 đồng x 20% = 167.440.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Về công trình: Hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý ngăn chặn của cấp có thẩm quyền là có căn cứ, phù hợp với chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Về phương án tái định cư: Gia đình ông S không ăn ở tại địa chỉ thu hồi đất, căn cứ quy định tại Điều 7, Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội xác định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã áp dụng không được xét mua nhà tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Phú S là đúng theo quy định.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục, nội dung được đảm bảo theo quy định Điều 69 Luật Đất đai 2013. Do đó, yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3056 nêu trên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Xét Quyết định 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L (lần đầu), nhận thấy:

Như trên đã phân tích, Quyết định số 3017/QĐ-UBND và số 3056/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND quận T ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ pháp luật. Do đó, nội dung của Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phú S và vợ là bà Trần Thị L (lần đầu) được ban hành đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 4233 nêu trên không được chấp nhận.

[2.5] Đối với các quyết định Quyết định 6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phê duyệt chỉ giới đường đỏ tuyến đường N (đoạn từ đầu ngõ 162 N đến nút giao đường N); Quyết định 3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân quận T về phê duyệt Dự án: Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch tuyến phố N, quận T. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, ông S không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Phú S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông S là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho ông S.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Bác kháng cáo của ông Nguyễn Phú S.

[2] Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[3] Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Phú S do là người cao tuổi.

[4] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà